|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2022/TT- BTTTT | *Hà Nội, ngày   tháng   năm 2022* |

**(DỰ THẢO 1)**

**THÔNG TƯ**

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

*------------------------------*

*Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính,*

*Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn thực hiện nội dung thông tin và truyền thông thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Sau đây gọi tắt là Chương trình); Cụ thể:

a) Hoạt động “Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở”;

b) Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn;

c) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công;

d) Hoạt động bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ điện tử, chính phủ số, an toàn thông tin mạng cho cán bộ cấp xã;

đ) Hoạt động phổ biến kiến thức sử dụng máy tính, kỹ năng số cho người dân khu vực nông thôn;

e) Hoạt động “Cập nhật thường xuyên địa chỉ số gắn với bản đồ V\_MAP; thực hiện gắn địa chỉ số cho từng hộ gia đình”;

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham gia thực hiện Chương trình;

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện và thụ hưởng từ thực hiện Chương trình.

**Điều 2. Nguyên tắc thực hiện các nội dung thông tin và truyền thông:**

1. Không trùng lặp với nội dung thực hiện ở các chương trình, đề án, dự án sử dụng ngân sách nhà nước khác.

2. Phân định rõ phạm vi đầu tư, nội dung đầu tư và trách nhiệm quản lý đầu tư.

3. Đảm bảo phù hợp với khả năng tiếp cận của người dân ở khu vực nông thôn, phù hợp với đặc thù các khu vực.

4. Đảm bảo hiệu quả đầu tư, tránh lãng phí.

**Điều 3. Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin và truyền thông cơ sở.**

1. Mục tiêu:

a) Đối với đài truyền thanh xã:

Hiện đại hóa hệ thống đài truyền thanh xã đến năm 2025, đảm bảo 100% xã có đài truyền thanh có cụm loa đến các thôn hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b) Đối với cơ sở truyền thanh - truyền hình huyện:

Hiện đại hóa các thiết bị kỹ thuật, số hóa sản xuất nội dung truyền thông đa phương tiện của cơ sở truyền thanh - truyền hình huyện.

2. Điều kiện phát triển mới, nâng cấp đài truyền thanh xã và trang thiết bị cơ sở vật chất cho cơ sở truyền thanh - truyền hình huyện

a) Đối với đài truyền thanh xã:

- Xã chưa có đài truyền thanh hoặc có đài truyền thanh nhưng đã hết thời hạn sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng tài sản cố định của Nhà nước và đã hư hỏng, không còn hoạt động.

- Địa phương có kế hoạch đảm bảo nhân lực, kinh phí duy trì hoạt động thường xuyên, phát huy hiệu quả sau đầu tư.

- Đài truyền thanh xã đang còn thời hạn sử dụng cần nâng cấp để nâng cao hiệu quả sử dụng;

- Đài truyền thanh xã chưa đảm bảo cho người dân ở tất cả các thôn trong xã được nghe thông tin từ đài truyền thanh xã.

b) Đối với cơ sở truyền thanh - truyền hình huyện:

Cơ sở truyền thanh - truyền hình huyện chưa có các thiết bị kỹ thuật để số hóa sản xuất nội dung truyền thông đa phương tiện hoặc các thiết bị hiện có chưa đáp ứng yêu cầu số hóa sản xuất nội dung truyền thông đa phương tiện.

3. Nội dung, yêu cầu kỹ thuật, quy mô đầu tư phát triển nâng cấp đài truyền thanh xã và trang thiết bị cho cơ sở truyền thanh - truyền hình huyện

a) Đối với đài truyền thanh xã:

- Nội dung đầu tư và yêu cầu kỹ thuật:

Thiết lập mới, chuyển đổi đài truyền thanh có dây/không dây FM hư hỏng, xuống cấp không còn sử dụng được sang truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

- Quy mô đầu tư:

Đảm bảo các thôn, bản có cụm loa để 100% hộ dân trong thôn, bản nghe được đài truyền thanh xã. Căn cứ thực tế của từng xã, địa phương quyết định số cụm loa cần đầu tư cho phù hợp.

b) Đối với cơ sở truyền thanh - truyền hình huyện:

- Nội dung đầu tư và yêu cầu kỹ thuật:

Thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BTTTT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam; bao gồm các thiết bị kỹ thuật số hiện đại: máy quay, máy ghi âm, máy ảnh, bàn dựng, bàn trộn, máy tính, phần mềm...; thiết bị lưu trữ số để thuận lợi cho việc khai thác thông tin, sản xuất và quản lý, lưu trữ nội dung chương trình;

- Quy mô đầu tư: Căn cứ vào danh mục thiết bị, yêu cầu kỹ thuật (Phụ lục 01 kèm theo Thông tư này) và nhu cầu thực tế trong hoạt động sản xuất nội dung chương trình, địa phương quyết định số lượng thiết bị mua sắm.

**Điều 4. Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn (theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)**

1. Mục tiêu

Phát triển, hoàn thiện hạ tầng công nghệ số đáp ứng yêu cầu về hiện đại hóa công nghệ thông tin - truyền thông, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, công nghệ số khu vực nông thôn, bảo đảm an toàn, đồng bộ, kết nối liên ngành và liên vùng.

2. Phạm vi thực hiện, đối tượng thụ hưởng

a) Phạm vi thực hiện: Các xã xây dựng nông thôn mới.

b) Đối tượng thụ hưởng: Các cơ quan và người dân các xã xây dựng nông thôn mới.

3. Nội dung thực hiện

a) Nâng cấp mạng nội bộ (LAN) và kết nối internet của xã: Tiến hành khảo sát, đánh giá chi tiết hiện trạng thực hiện việc nâng cấp, bổ sung thiết bị (switch, router, firewall..). Tối ưu hóa hệ thống mạng nội bộ của chính quyền, hệ thống mạng được thiết kế lại theo các mô hình tiêu chuẩn, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, đảm bảo tính mỹ quan, tốc độ truy cập mạng. Hệ thống mạng cần được quy hoạch, phân lớp, quản lý các dải địa chỉ IP thuận lợi trong việc triển khai cấu hình mạng phù hợp với trang thiết bị hiện có. Đảm bảo có phương án dự phòng như có tối thiểu 2 đường truyền, được cấu hình cân bằng tải, tự động chuyển mạch khi có sự cố giữa 1 trong 2 đường mạng, đảm bảo tốc độ truy cập mạng và mạng UBND xã được kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng.

b) Số hoá tài liệu hồ sơ công việc, ứng dụng công nghệ điện toán đám mây: Ứng dụng các nền tảng công nghệ về điện toán đám mây trong phục vụ các yêu cầu của chính quyền cấp xã, áp dụng cho việc số hoá, lưu trữ, xử lý những nội dung, dữ liệu, quan trọng; phân cấp mức độ quan trọng của các ứng dụng, dữ liệu để áp dụng cho phù hợp đảm bảo an toàn, bảo mật, an ninh thông tin, đảm bảo tránh mất mát, thất lạc, hư hỏng các tài liệu bản cứng quan trọng. Các hệ thống cần có cơ chế đảm bảo dự phòng, có khả năng phục hồi trong trường hợp gặp phải các thảm hoạ (lưu trữ tại các trung tâm dữ liệu tỉnh, lưu trữ trên nền tảng điện toán đám mây, v.v…). UBND cấp xã có trách nhiệm xây dựng danh mục tài liệu cần thiết (hồ sơ, chứng từ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cần lưu tại xã, v.v…) từ đó lựa chọn loại tài liệu nào cần lưu trữ, số hoá.

Đảm bảo yêu cầu số hoá kết quả thủ tục hành chính còn hiệu lực đạt tối thiểu 15% đối với kết quả thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã để đảm bảo việc kết nối chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử tại văn bản số 516/TTg-KSTT ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, đổi mới thực hiện cơ chế một cửa và xây dựng Chính phủ điện tử phục vụ chỉ đạo, điều hành.

c) Nâng cấp, bổ sung hệ thống thiết bị CNTT, tăng cường công tác an toàn thông tin mạng: Khảo sát, đánh giá hiện trạng toàn bộ thiết bị CNTT, máy tính để tiến hành nâng cấp, bổ sung đảm bảo cấu hình, năng lực của thiết bị phục vụ triển khai các ứng dụng cho cán bộ, công chức tại UBND các xã; triển khai thiết lập mới hoặc bổ sung các thiết bị giám sát và bảo vệ an toàn, an ninh cho hệ thống mạng (ví dụ như phát hiện, cảnh báo mã độc, chặn lọc các trang web, thông tin độc hại trên môi trường mạng). Đảm bảo 100% các máy tính của cán bộ tại UBND cấp xã được cài đặt tối thiểu 01 phần mềm diệt virut và thường xuyên được cập nhật phần mềm, các máy tính cá nhân của cán bộ khi kết nối hệ thống mạng đảm bảo cơ chế an toàn thông tin như trên.

d) Triển khai đường Truyền số liệu chuyên dùng: Triển khai đường Truyền số liệu chuyên dùng cấp II, kết hợp tín hiệu internet; đấu nối toàn bộ các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, các ứng dụng của xã để đảm bảo an toàn thông tin, toàn vẹn dữ liệu trong quá trình hoạt động ứng dụng, chỉ đạo điều hành của xã.

đ) Triển khai hệ thống truyền thanh thông minh: Đầu tư, nâng cấp và sử dụng hệ thống đài truyền thanh trên các nền tảng công nghệ số như hệ thống loa truyền thanh không dây, hoặc ứng dụng nền tảng công nghệ trí tuệ nhân tạo để chuyển đổi văn bản sang giọng nói trên các hệ thống truyền thanh hiện có, tăng cường tuyên truyền chủ trương, chính sách, thông tin phục vụ giao tiếp giữa chính quyền và địa phương, tiết kiệm nhân lực cho các xã, giảm tải công việc cho các cán bộ đang thực hiện kiêm nhiệm nhiệm vụ này. Ngoài ra đảm bảo kỹ thuật nhằm khắc phục hiện tượng nhiễu sóng, chèn sóng đảm bảo lịch phát sóng, nội dung tuyên truyền khoa học, hiệu quả, kịp thời và phù hợp với từng đối tượng tuyên truyền.

e) Đầu tư, nâng cấp điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông trên địa bàn xã: Đầu tư, nâng cấp mới điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông các xã cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông thông minh, hiện đại nhằm phục vụ nhu cầu kết nối thông tin liên lạc, vận chuyển bưu phẩm bưu kiện phục vụ sản xuất, kinh doanh, quảng bá sản phẩm, phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Triển khai dịch vụ chuyển phát thủ tục hành chính qua bưu chính công ích, và tại nhà cho người dân.

g) Triển khai hệ thống hội nghị truyền hình: Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống hội nghị truyền hình như đường truyền, bổ sung thay thế thiết bị hỏng hóc để thực hiện các cuộc họp trực tuyến từ cấp tỉnh đến huyện, đến xã, góp phần giảm tối đa các cuộc họp đông người, tiết kiệm, thông tin nhanh chóng, thuận tiện. Cho phép tổ chức nhanh các hoạt động hội thảo, đào tạo từ xa giữa các điểm thông qua kênh truyền hình, điều hành và xử lý từ xa thông qua hình ảnh, âm thanh từ nhiều nơi gửi về.

h) Triển khai các hệ thống camera an ninh: Giám sát, theo dõi và phát hiện tại các điểm trọng yếu quan trọng trên địa bàn, hệ thống phải đảm bảo, cho phép khả năng tích hợp, truy cập xuyên suốt từ cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để phục vụ theo dõi giám sát theo yêu cầu. Trong trường hợp cần thiết cần phải có đánh giá, số liệu về các vấn đề an ninh cụ thể để có thể triển khai thêm các ứng dụng trên nền tảng trí tuệ nhân tạo để giám sát, phát hiện các hành vi, cảnh báo đối với các hệ thống camera an ninh đã có. Khi triển khai thuê dịch vụ cân nhắc cụ thể kinh phí đầu tư và kinh phí thuê, chi phí bảo trì, duy tu, bảo dưỡng để đảm bảo tiết kiệm chi phí.

e) Triển khai hệ thống wifi công cộng miễn phí: Triển khai các hệ thống wifi công cộng và miễn phí phục vụ nhu cầu của người dân tại các điểm công cộng tại nhà văn hóa thôn, bản, nhà văn hoá xã, tại trụ sở UBND cấp xã (tuỳ thuộc vào các yêu cầu cụ thể của địa phương).

- Đảm bảo năng lực hạ tầng truyền dẫn đến các xã để đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp nông thôn.

4. Phương thức thực hiện

a) Xã hội hóa việc cung cấp hạ tầng truyền dẫn đến các xã.

b) Các nội dung sử dụng nguồn kinh phí của Chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng truyền dẫn đến các xã.

b) Các doanh nghiệp viễn thông đầu tư phát triển năng lực công nghệ, đảm bảo khả năng truyền dẫn đến các xã đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp nông thôn.

c) Các địa phương thực hiện các nội dung khác còn lại.

**Điều 5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, công khai và hiệu quả ở các cấp (xã, huyện, tỉnh)**

1. Mục tiêu:

Nâng cao chất lượng công tác giải quyết các thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, công khai và hiệu quả ở các cấp (xã, huyện, tỉnh)

2. Nội dung thực hiện:

a) Thực hiện việc rà soát, cập nhật cấu hình quy trình điện tử giải quyết của tất cả các thủ tục hành chính cấp xã trên hệ thống theo đúng quy trình nội bộ đã được phê duyệt từ khâu tiếp nhận hồ sơ, đến xử lý, trả kết quả; triển khai thực hiện đảm bảo 100% các hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, trả kết quả đúng quy trình điện tử đã được cấu hình trên hệ thống đúng các quy định hiện hành, ngoài ra đảm bảo việc lưu trữ số hoá các hồ sơ thủ tục này trên hệ thống theo các định hướng chung của Thủ tướng Chính phủ.

b) Thực hiện kết nối cổng thông tin điện tử, cổng dịch vụ công trực tuyến
và Hệ thống một cửa điện tử với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ chính phủ số để đánh giá, đo lường, công bố trực tuyến, mức độ, chất lượng cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến.

3. Tổ chức thực hiện:

UBND tỉnh chỉ đạo các huyện, xã đầu tư và tăng cường sử dụng hệ thống Cổng dịch vụ công và một cửa điện tử trong thực hiện các dịch vụ hành chính công.

**Điều 6. Thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ điện tử, chính phủ số, an toàn thông tin mạng cho cán bộ cấp xã**

1. Mục tiêu:

Đảm bảo tỷ lệ cán bộ, công chức của xã được bồi dưỡng, trang bị kiến thức về kỹ năng số và an toàn thông tin đạt tối thiểu 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; đạt tối thiểu 70% đối với các xã còn lại.

2. Phạm vi thực hiện, đối tượng thụ hưởng:

a) Phạm vi thực hiện: Tại tất cả các xã (bao gồm cả các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo) ưu tiên thực hiện đối với:

- Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định của cấp có thẩm quyền; các xã đảo;

- Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của cấp có thẩm quyền (Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung nếu có);

b) Đối tượng thụ hưởng: Cán bộ, công chức đang làm việc tại xã.

3. Nội dung thực hiện

a) Xây dựng tài liệu: Bao gồm các nội dung sau:

- Kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số;

- Kiến thức cơ bản về xây dựng Chính quyền điện tử, chính quyền số;

- Kiến thức cơ bản về an toàn thông tin mạng.

Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp nền tảng phục vụ việc bồi dưỡng, tập huấn.

b) Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn.

- Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng tài liệu phục vụ công tác bồi dưỡng, tập huấn; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho đối tượng là các cán bộ làm việc trong lĩnh vực CNTT của Sở Thông tin và Truyền thông và các sở/ban/ngành khác của các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương để các cán bộ này có thể tiếp tục bồi dưỡng cho đối tượng là cán bộ, công chức cấp xã của địa phương.

- UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với UBND các huyện tổ chức thực hiện bồi dưỡng, tập huấn trên địa bàn các xã;

- Hình thức tập huấn: trực tiếp kết hợp với trực tuyến qua Nền tảng học trực tuyến mở đại trà do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng.

+ Địa điểm tổ chức: Tại trụ sở UBND các xã; hoặc tập trung theo huyện, khu vực (do địa phương quyết định).

+ Thời gian tập huấn: Không quá 03 ngày/lớp.

+ Giảng viên: cán bộ làm việc trong lĩnh vực CNTT của Trung tâm CNTT thuộc Sở Thông tin và Truyền thông (có trình độ chuyên ngành CNTT từ đại học trở lên, am hiểu về nội dung giảng dạy và đã tham gia khóa bồi dưỡng tập huấn nghiệp vụ do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức).

+ Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Kết thúc quá trình bồi dưỡng, các cán bộ, công chức cấp xã đã được tập huấn sẽ thực hiện các bài kiểm tra để đánh giá chất lượng, hiệu quả đạt được sau khóa học từ đó xác định mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

c) Kiểm tra, giám sát công tác thực hiện: Định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, giám sát quá trình triển khai tại các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

d) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện: Hàng năm và sau khi Chương trình kết thúc, Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp và báo cáo kết quả triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn trên phạm vi cả nước, gửi cơ quan chủ quản chương trình để tổng hợp, báo cáo các cơ quan liên quan theo quy định.

4. Phương thức thực hiện:

a) Bộ Thông tin và Truyền thông giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng xây dựng tài liệu và cung cấp nền tảng phục vụ bồi dưỡng, tập huấn theo quy định của pháp luật.

b) Các địa phương giao nhiệm vụ/đặt hàng hoặc đấu thầu việc tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn.

5. Tổ chức thực hiện:

a) Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng tài liệu; kiểm tra giám sát công tác thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện.

b) Các địa phương tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn; kiểm tra, giám sát công tác thực hiện; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện.

**Điều 7. Bồi dưỡng, tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số cho người dân khu vực nông thôn**

1. Mục tiêu: Phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số cho cho người dân khu vực nông thôn để góp phần thúc đẩy phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số ở khu vực nông thôn.

2. Đối tượng được bồi dưỡng, tập huấn, phổ biến kiến thức, kỹ năng số:

a) Các cán bộ nòng cốt trên đại bàn xã:

- Cán bộ đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội nông dân xã.

- Các cán bộ hợp tác xã.

- Cán bộ thôn, bản, lang, ấp, phum, sóc, buôn, bon (gọi chung là thôn)

- Giáo viên tin học các trường tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học

- Nhân viên của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát.

b) Người dân khu vực nông thôn, bao gồm tất cả người dân ở khu vực nông thôn có nhu cầu, có khả năng tiếp cận, tìm hiểu kiến thức, kỹ năng số.

3. Nội dung bồi dưỡng, tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số:

a) Kiến thức, kỹ năng cơ bản về máy tính, điện thoại thông minh, truy cập mạng, internet;

b) Kiến thức, kỹ năng cơ bản về chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số, trong đó chú trọng các nội dung phát triển kinh tế số, xã hội số nông nghiệp, nông thôn;

c) Tổng quan về các chương trình, kế hoạch, đề án của Nhà nước về thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số nông nghiệp, nông thôn (bao gồm kế hoạch của Trung ương, của địa phương);

d) Kỹ năng khai thác, sử dụng các ứng dụng di động, nền tảng số, dịch vụ trực tuyến trên mạng Internet, như: cách lập tài khoản và sử dụng sàn thương mại điện tử, mạng xã hội, và các nền tảng số khác; cách cài đặt, sử dụng các ứng dụng di động; cách tìm kiếm thông tin trên mạng; các trang web, địa chỉ, nền tảng số, ứng dụng di động;

đ) Kỹ năng sử dụng các dịch vụ công trực tuyến: Giới thiệu các dịch vụ công trực tuyến, hướng dẫn truy cập các cổng dịch vụ công trực tuyến và khai thác, sử dụng dịch vụ;

e) Kiến thức cơ bản về an toàn thông tin mạng và kỹ năng tự bảo vệ, chống các nguy cơ mất an toàn thông tin mạng cho cá nhân;

g) Các kiến thức, kỹ năng số cơ bản khác.

Ngoài các nội dung bồi dưỡng, tập huấn, phổ biến kiến thức, kỹ năng quy định tại khoản này, tuỳ điều kiện thực tế, khuyến khích các địa phương, tổ chức bổ sung nội dung bồi dưỡng kiến thức về công nghệ thông tin phù hợp với các nhóm đối tượng.

4. Nội dung thực hiện:

a) Xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng, tập huấn, bao gồm: xây dựng mới, xây dựng và cập nhật bổ sung nội dung chương trình, tào liệu về kiến thức, kỹ năng số cho các nhóm đối tượng dưới các hành thức: chương trình, tài liệu in; điện tử, video,…

b) Xây dựng, vận hành nền tảng bồi dưỡng, tập huấn, phổ biến trực tuyến về kiến thức, kỹ năng số phục vụ cho người dân nông thôn;

- Thuê, mua phần mềm, thiết bị công nghệ thông tin, công cụ, dụng cụ liên quan (bao gồm xây dựng, lắp đặt, chuyển giao sử dụng).

- Xây dựng quy trình, quy chế quản lý thực hiện.

- Thuê đường truyền dẫn;

- Thuê dịch vụ vận hành, khai thác;

c) Tổ chức các khoá, lớp bồi dưỡng, tập huấn cho các nhóm đối tượng: Tổ chức tuyển chọn học viên; Thuê/cấp tài khoản người học (để đào tạo trực tuyến); tổ chức hướng dẫn; kiểm tra, đánh giá kết quả; quản lý, giám sát thực hiện;

d) Truyền thông về hoạt động bồi dưỡng, tập huấn, phổ biến kiến thức, kỹ năng số cho người dân khu vực nông thôn: Thông qua các hoạt động báo chí, thông tin cơ sở, hội thảo và các phương tiện thông tin khác.

đ) Tổ chức các đoàn khảo sát, kiểm tra, đánh giá thực tế;

e) Xây dựng báo cáo, tổ chức sơ kết, tổng kết công tác bồi dưỡng, tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn.

5. Hình thức tổ chức các khóa, lớp bồi dưỡng, tập huấn:

a) Trực tuyến;

b) Trực tiếp;

c) Kết hợp cả trực tuyến và trực tiếp.

6. Đơn vị thực hiện

a) Ở Trung ương:

Bộ Thông tin và Truyền thông: Chủ trì tổ chức xây dựng nội dung chương trình, tài liệu dùng chung toàn quốc; xây dựng nền tảng công nghệ bồi dưỡng, tập huấn; tổ chức giới thiệu, hướng dẫn, chuyển giao khai thác nền tảng công nghệ, chương trình, tài liệu bồi dưỡng, tập huấn cho các địa phương.

b) Ở địa phương: Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu

- Xây dựng, cập nhật các nội dung bồi dưỡng, tập huấn bổ sung theo yêu cầu đặc thù của địa phương.

- Hướng dẫn ủy ban nhân dân các huyện, xã của tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số cho các nhóm đối tượng khu vực nông thôn.

- Bố trí kinh phí của Chương trình và huy động các nguồn lực khác để thực hiện nhiệm vụ tại địa phương theo hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Chương trình và các quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 8. Gán mã, cập nhật, thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam**

1. Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật địa chỉ số

a) Nội dung thực hiện

- Thiết lập hệ thống hạ tầng kỹ thuật, website và ứng dụng di động cho nền tảng địa chỉ số để người dân và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có thể tham gia khai báo, tạo lập, tra cứu và khai thác cơ sở dữ liệu (CSDL) địa chỉ số.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật nền tảng Bản đồ số để tích hợp với hệ thống nền tảng địa chỉ số quốc gia; cập nhật, bổ sung dữ liệu giao thông phục vụ nền tảng Bản đồ số.

- Xây dựng hệ thống, công cụ, phần mềm, ứng dụng di động (mobile app) để thu thập, cập nhật, chuẩn hóa CSDL địa chỉ số và cung cấp dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số.

- Triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin và bảo mật cho nền tảng và cơ sở dữ liệu địa chỉ số.

2. Tạo lập, gán mã, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia

a) Nội dung thực hiện

- Tạo lập, gán mã cho các địa chỉ số, hình thành CSDL địa chỉ số quốc gia thống nhất để triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với nền tảng Bản đồ số. CSDL địa chỉ số quốc gia phải có cấu trúc phù hợp với cấu trúc nền tảng địa chỉ (theo Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này).

- Thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số trong CSDL địa chỉ số quốc gia cho các đối tượng cần gán địa chỉ (theo phụ lục … kèm theo Thông tư này);

3. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số

Triển khai, tuyên truyền, phổ biến sử dụng các dịch vụ về địa chỉ số như: tìm kiếm địa chỉ, gợi ý địa chỉ số, xác thực địa chỉ, định danh tọa độ/địa chỉ và các dịch vụ địa chỉ số khác để phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và của cá nhân, hộ gia đình;

4. Thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số

a) Thông báo địa chỉ số: Tổ chức thông báo thông tin Mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ, bao gồm:

- Đối tượng thông báo:

+ Chủ sở hữu đối tượng/công trình được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình của cá nhân, hộ gia đình);

+ Người đại diện theo pháp luật của tổ chức sở hữu đối tượng/công trình được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công trình);

+ Người đang sử dụng/quản lý đối tượng/công trình tại địa chỉ số.

- Hình thức thông báo: Thông qua gửi qua tin nhắn, email, đường thư.

b) Thiết kế biển địa chỉ số:

- Biển địa chỉ số chứa thông tin Mã địa chỉ số được gắn vào đối tượng/công trình được gán địa chỉ số để nhận biết địa chỉ số của từng đối tượng.

- Thiết kế và phê duyệt mẫu biển địa chỉ số:

+ Biển địa chỉ số chứa thông tin Mã địa chỉ số và thông tin khác (nếu có);

+ Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức thiết kế và phê duyệt mẫu biển địa chỉ số để giới thiệu với các địa phương tham khảo, sử dụng.

+ Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: tổ chức thiết kế, phê duyệt mẫu biển địa chỉ số cụ thể theo yêu cầu đặc thù địa phương (nếu có), phù hợp hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, hoặc sử dụng mẫu biển địa chỉ số do Bộ Thông tin và Truyền thông thiết kế.

c) Tổ chức sản xuất và gắn biển địa chỉ số: Các địa phương triển khai việc sản xuất và gắn biển địa chỉ số cho các địa chỉ tại địa phương.

5. Thông tin, tuyên truyền về địa chỉ số

 a) Nội dung thông tin, tuyên truyền:

 Giới thiệu tính năng, lợi ích khi sử dụng, hiệu quả hoạt động của nền tảng địa chỉ số, hướng dẫn sử dụng; tình hình phát triển, sử dụng nền tảng địa chỉ số và các nội dung khác liên quan đến phát triển và sử dụng nền tảng địa chỉ số.

 b) Hình thức thông tin, tuyên truyền nền tảng địa chỉ số:

- Xây dựng tài liệu, ấn phẩm truyền thông để truyên truyền trên báo chí, qua mạng Internet, nền tảng địa chỉ số quốc gia, hoạt động thông tin cơ sở và các phương thức khác nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

- Tổ chức các hội thảo, hội nghị, tọa đàm về phát triển và sử dụng nền tảng địa chỉ số quốc gia;

6. Quản lý, giám sát việc triển khai nền tảng địa chỉ số

 a) Nội dung thực hiện

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn, hướng dẫn địa phương, doanh nghiệp sử dụng, khai thác nền tảng địa chỉ số quốc gia để nâng cao nhận thức về địa chỉ số, các dịch vụ ứng dụng địa chỉ số, bản đồ số cho người dân nông thôn.

- Nghiên cứu, xây dựng các báo cáo chuyên đề phục vụ chính sách, quy chế, quy định nhằm thúc đẩy phát triển nền tảng địa chỉ số, và các ứng dụng, dịch vụ địa chỉ số, bản đồ số phục vụ kinh tế số, xã hội số.

- Tổ chức các đoàn công tác tới các địa phương, địa bàn để khảo sát, đánh giá, nắm bắt thực tế.

- Xây dựng báo cáo hằng năm, tổ chức sơ kết, tổng kết công tác triển khai địa chỉ số và thúc đẩy sử dụng dịch vụ địa chỉ số, bản đồ số để phát triển kinh tế số, xã hội số nông thôn theo kế hoạch chung của Chương trình.

 7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện:

a) Ở Trung ương:

Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện:

- Chỉ đạo Tổng công ty Bưu điện Việt Nam xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật địa chỉ số.

- Tổ chức thiết kế mẫu biển địa chỉ số.

- Thống nhất quản lý việc tạo lập, gán mã, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia.

 - Chỉ đạo, triển khai, tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến về địa chỉ số và sử dụng địa chỉ số, sử dụng các dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số.

 - Tổng hợp, xây dựng báo cáo về triển khai gán mã địa chỉ số, gắn địa chỉ số.

 - Kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện gán mã địa chỉ số, gắn biển địa chỉ số.

b) Ở địa phương:

- Chỉ đạo, hướng dẫn Uỷ ban nhân dân cấp huyện, cấp xã:

+ Cung cấp thông tin cho Tổng công ty Bưu điện Việt Nam về địa chỉ của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phục vụ cho việc xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia.

+ Tổ chức thông báo địa chỉ số trên địa bàn đến các đối tượng liên quan.

- Chỉ đạo, triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số tại địa phương.

- Tổ chức sản xuất và gắn biển địa chỉ số đến từng địa chỉ tại địa phương.

- Thông tin, tuyên truyền, phổ biến về sử dụng địa chỉ số tại địa phương.

- Kiểm tra, giám sát công tác gắn địa chỉ số, sử dụng địa chỉ số tại địa phương.

- Bố trí nguồn kinh phí của Chương trình, nguồn ngân sách đối ứng của địa phương và huy động nguồn xã hội hóa theo theo hướng dẫn về cơ chế quản lý tài chính của Chương trình và các quy định của pháp luật liên quan.

c) Tổng công ty Bưu điện Việt Nam:

 - Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật địa chỉ số

 - Tạo lập, gán mã, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia.

 - Vận hành cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia.

 - Chia sẻ CSDL địa chỉ số quốc gia để phục vụ phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin của các ngành, lĩnh vực trên cơ sở phù hợp với các quy định hiện hành.

d) Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được gắn địa chỉ số:

- Cung cấp thông tin cho chính quyền cấp xã phục vụ gán địa chỉ số.

- Tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức triển khai gắn biển địa chỉ số

- Bảo quản an toàn biển địa chỉ địa số đã gắn vào địa chỉ

- Sử dụng địa chỉ số vào các hoạt động theo nhu cầu, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

- Đóng góp nguồn lực cho việc gắn địa chỉ số theo quy định của địa phương, phù hợp với pháp luật hiện hành.

**Điều 9. Lập, đề xuất kế hoạch thực hiện nội dung TTTT của Chương trình**

1. Kế hoạch thực hiện nội dung thành phần thông tin và truyền thông của Chương trình cả giai đoạn 2021-2025

a) Các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các địa phương căn cứ tình hình thực tế để lập kế hoạch thực hiện các nội dung thông tin và truyền thông cả giai đoạn 2021 - 2025 gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, tổng hợp kế hoạch và đề xuất kế hoạch thực hiện các nội dung thông tin và truyền thông gửi cơ quan chủ chương trình, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định.

b) Đối với các địa phương, khi lập kế hoạch ngoài việc căn cứ nội dung thành phần, tình hình thực tế của địa phương, cần đảm bảo thực hiện quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo quyết định.

2. Kế hoạch thực hiện nội dung thành phần thông tin và truyền thông của Chương trình

Hàng năm, trước ngày 30 tháng 6, các bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông năm tiếp theo gửi Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, tổng hợp báo cáo theo quy định.

3. Kế hoạch thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông nêu tại khoản 1, 2 Điều này theo đề cương quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Kế hoạch thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông phải kèm theo thuyết minh cụ thể về sự cần thiết; mục tiêu; nội dung thực hiện; địa bàn, đối tượng thụ hưởng; nhu cầu kinh phí, căn cứ xác định và nguồn kinh phí để thực hiện.

 4. Phân bổ kế hoạch thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông:

 Hàng năm, các cơ quan Trung ương và các địa phương thực hiện nội dung thành phần thông tin và truyền thông của Chương trình tổng hợp và gửi báo cáo phân bổ kế hoạch thực hiện nội dung thành phần thông tin và truyền thông của Chương trình theo mẫu tại Phụ lục 03 đến Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư này về Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, theo dõi và báo cáo và các cơ quan liên quan, thời gian gửi trước ngày 28/02 năm kế hoạch.

**Điều 10. Huy động nguồn lực thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông**

1. Các bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm bố trí kinh phí bổ sung, lồng ghép việc thực hiện với các hoạt động của chương trình, đề án khác để thực hiện các nội dung thành phần về TTTT của Chương trình.

2. Các địa phương có trách nhiệm bố trí vốn đối ứng thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông theo quy định.

**Điều 11. Trách nhiệm quản lý, giám sát, đánh giá thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông**

1. Trách nhiệm quản lý, chỉ đạo trực tiếp các nội dung thành phần thông tin và truyền thông của Chương trình:

a) Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông của Chương trình theo hướng dẫn tại Thông tư này;

b) Ở địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở, ban, ngành liên quan tham mưu, đề xuất chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ hoặc đột xuất.

2. Theo dõi, giám sát, kiểm tra, đánh giá thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông:

a) Phương thức theo dõi, giám sát, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện thông qua các hình thức báo cáo:

- Báo cáo kế hoạch, báo cáo kết quả phân bổ và sử dụng nguồn vốn, kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và huy động các nguồn vốn huy động thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông của các bộ, ngành, địa phương.

- Thực hiện báo cáo, đánh giá theo hệ thống chỉ số đánh giá thực hiện theo quy định.

- Tổ chức hội nghị sơ kết đánh giá tình hình thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông của Chương trình.

b) Trách nhiệm theo dõi, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông:

- Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông của Chương trình trong phạm vị hướng dẫn tại Thông tư này;

# - Các bộ, ngành, địa phương tham gia thực hiện tổ chức phân công việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông của Chương trình trong phạm vi mực tiêu, nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện.

**Điều 12. Báo cáo giám sát, báo cáo kết thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông**

1. Báo cáo giám sát, báo cáo kết quả thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông của Chương trình được thực hiện định kỳ 6 tháng, cả năm, giữa kỳ và cuối kỳ. Nội dung, mẫu biểu báo cáo theo Thông tư số /2022/TT-BNNPTNT ngày / /2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và các văn bản hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Báo cáo ước thực hiện 6 tháng: chậm nhất là 31 tháng 7 cùng năm (cùng với báo cáo kế hoạch năm tiếp theo);

- Báo cáo cả năm: chậm nhất là 28 tháng 02 năm sau;

- Báo cáo giữa kỳ: chậm nhất ngày 05 tháng 12 năm 2023;

- Báo cáo cuối kỳ: chậm nhất ngày 05 tháng 9 năm 2025.

2. Trách nhiệm báo cáo và nơi nhận báo cáo:

Các cơ quan Trung ương, các địa phương thực hiện các nội dung thành phần thông tin và truyền thông có trách nhiệm báo cáo bao gồm:

a) Cơ quan Trung ương được giao kinh phí thực hiện gửi báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Các cơ quan ở địa phương được giao kinh phí thực hiện gửi báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông;

c) Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp báo cáo ở địa phương gửi Bộ Thông tin và Truyền thông và UBND tỉnh;

d) Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo gửi cơ quan chủ Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới và các cơ quan liên quan theo quy định.

**Điều 13. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan quản lý thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của một số nội dung thông tin và truyền thông thuộc Chương trình theo Quy chế quản lý, điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia và theo hướng dẫn tại Thông tư này và theo quy định khác có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Tổ chức thực hiện và báo cáo, kiểm tra, giám sát thực hiện nội dung thông tin và truyền thông thuộc Chương trình tại địa phương theo thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật;

b) Chỉ đạo, giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu trong việc tổ chức triển khai, quản lý thực hiện nội dung thông tin và truyền thông và trong công tác quản lý khai thác, vận hành cơ sở vật chất hình thành từ việc thực hiện nội dung này của Chương trình tại địa phương.

**Điều 14. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Văn phòng Tổng Bí thư;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Tòa án nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Sở TTTT, UBDT, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Văn phòng Quốc gia về Giảm nghèo - Bộ LĐTBXH;- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; Các Vụ, Cục; Cổng Thông tin điện tử Bộ;- Lưu: VT, KHTC (350). | **BỘ TRƯỞNG****Nguyễn Mạnh Hùng** |